

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2020/HS-ST
Ngày 13-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Nguyễn Văn Chương

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

D, sinh năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông M (đã chết) và bà B; có vợ T (đã chết) và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 230/QĐ-TA ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng, ngày 27 tháng 7 năm 2019 D chấp hành xong; bị tạm giữ từ ngày 10 tháng 7 năm 2020 đến ngày 16 tháng 7 năm 2020 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo D: Bà T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy nên khoảng 18 giờ 00 phút ngày 09 tháng 7 năm 2020 D đi một mình sang khu vực đường tàu Hải Phòng mua 01 túi nilon màu trắng bên trong có 07 gói ma túy heroin với giá 350.000 đồng. Sau khi mua được ma túy D mang về nhà cất giấu tại mặt bàn học trong phòng ngủ của D. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10 tháng 7 năm 2020 D lấy 02 gói ma túy đi bộ ra khu vực cánh đồng thuộc thôn H, xã L, huyện N, thành phố Hải Phòng với mục đích để sử dụng ma túy thì bị Công an phát hiện bắt quả tang D có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy tại khu vực đường liên thôn H, xã L, huyện N, thành phố Hải Phòng. Tiến hành kiểm tra Công an đã thu giữ 02 gói giấy bạc bên trong đều chứa chất bột màu trắng tại lòng bàn tay trái của D.

Khám xét khẩn cấp nơi ở và khu vực có liên quan của D tại thôn H, xã L, huyện N, thành phố Hải Phòng, Công an huyện N đã thu giữ 01 túi nilon màu trắng kích thước 10cmx7cm bên trong có 05 gói giấy bạc đều chứa chất bột màu trắng tại bàn học trong phòng ngủ của D.

Tại bản kết luận giám định số 432/KLGD ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ tại lòng bàn tay trái của D là ma túy có khối lượng 0,16 gam là loại Heroine; chất bột màu trắng thu giữ tại nơi ở của D là ma túy có khối lượng 0,39 gam là loại Heroine.

Bản cáo trạng số 108/CT-VKSTN ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng. Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng truy tố về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng nhưng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội đối với bị cáo D, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội bị cáo D theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D từ 24 đến 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 10 tháng 7 năm 2020). Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của

Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 432/2020/PC09 chứa chất ma túy, vỏ túi đựng chất ma túy còn lại sau giám định. Bị cáo D thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo D.

Người bào chữa cho bị cáo D trình bày lời bào chữa cho bị cáo D: Đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng về tội danh, điều luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị áp dụng đối với bị cáo D. Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số lượng ma túy bị cáo tàng trữ không lớn, hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo D được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát Viên kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng. Về án phí: Bị cáo D thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N và Kiểm sát viên thu thập và tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 10 tháng 7 năm 2020, biên bản khám xét ngày 10 tháng 7 năm 2020, kết luận giám định số 432/KLGD ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 10 tháng 7 năm 2020 bị cáo D đã thực hiện hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là loại Heroine với tổng khối lượng là 0,55 gam trong người và tại nơi ở của D ở thôn H, xã L, huyện N, thành phố Hải Phòng nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang tại khu vực đường liên thôn H, xã L, huyện N, thành phố Hải Phòng nên bị cáo D đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố và đề nghị kết tội bị cáo D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

[3] Xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo D là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách của Nhà nước về quản lý chất ma túy, loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng, gây mất trật tự trị an xã hội và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người khuyết tật nặng, sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo có ông nội là cụ Trần Văn Quý là người có công với cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Ngày 27 tháng 7 năm 2019 D mới chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 23/QĐ-TA ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng xét hành vi phạm tội của bị cáo D là nghiêm trọng, ngày 27 tháng 7 năm 2019 bị cáo D mới chấp hành xong quyết định áp dụng

biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt trên khởi điểm của khung hình phạt, buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa đối với bị cáo mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người bào chữa về việc áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng đối với bị cáo D.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo D không có nghề nghiệp, thuộc hộ cận nghèo và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xác định 01 phong bì niêm phong số 432/2020/PC09 chứa chất ma túy, vỏ túi đựng chất ma túy còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo D là người khuyết tật nặng và thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Trong vụ án này còn đối tượng bán trái phép chất ma túy cho D, quá trình điều tra không xác định được căn cước, lý lịch nên không có cơ sở điều tra.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo D 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 10 tháng 7 năm 2020).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 432/2020/PC09 chứa chất ma túy, vỏ túi đựng chất ma túy còn lại sau giám định (Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo D được miễn nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Cơ quan điều tra Công an huyện N;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hiền

